



Phụ lục V

**BẢNG GIÁ ĐẤT TRONG KHU CÔNG NGHỆ CAO CÔNG NGHỆ SINH HỌC
ĐỒNG NAI**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND)
Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đường	Giá đất		
		Giá đất nông nghiệp khác	Giá đất thương mại, dịch vụ	Giá đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải đất thương mại, dịch vụ
1	Đường N1	170	1.100	1.000
2	Đường D1	180	1.200	1.100
3	Đường N9 (đoạn có lộ giới 42 mét)	180	1.200	1.100
4	Đường N9 (đoạn có lộ giới 30 mét)	160	990	900
5	Các tuyến đường còn lại	160	990	900